

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 67

Số bài thi: 67

Số tờ giấy thi: 67

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hạnh</i> <i>Ng. Thị Hạnh</i>	<i>Thị</i> <i>Trần Thị Thuận</i>	<i>Hạnh</i> <i>Ng. Thị Hạnh</i>	<i>Thị</i> <i>Trần Thị Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200002	ĐOÀN HỮU BẢNG	30/10/2002	CCQ2005D			<i>Hữu</i>	7.0	8.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D			<i>Công</i>				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050106	NGUYỄN LÊ THÀNH THÔNG	06/04/2002	CCQ2005D			<i>Thông</i>	7.0	7.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050037	ĐÀO TẤN CƯỜNG	08/05/2001	CCQ1905B			<i>Cường</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050098	TRẦN QUỐC CƯỜNG	05/03/2002	CCQ2005C			<i>Quốc</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050099	MAI HỒNG DÀNG	05/11/2002	CCQ2005C			<i>Dang</i>	7.5	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			<i>Duy</i>	7.0	8.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050071	LÊ VIỆT ĐẶNG	17/01/2002	CCQ2005C			<i>Việt</i>	7.0	7.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119050003	PHẠM NGỌC HẢI	07/05/2001	CCQ1905A			<i>Hải</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050100	ĐOÀN ĐỨC HẢO	08/06/2002	CCQ2005C			<i>Hảo</i>	7.7	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050113	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	26/10/2001	CCQ1905D			<i>Hân</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			<i>Hậu</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			<i>Hiệp</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050004	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	23/11/2001	CCQ1905A			<i>Hiệp</i>	7.5	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050042	LÊ KHẮC HOAN	10/03/2001	CCQ1905B			<i>Hoan</i>	7.3	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			<i>Hoàng</i>	7.2	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050005	HUỖNH ĐỨC HUY	03/12/2001	CCQ1905A			<i>Huy</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050006	NGUYỄN ĐỨC HUY	21/02/2001	CCQ1905A			<i>Huy</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7.4	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 67

Số bài thi: 67

Số tờ giấy thi: 67

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hạnh</i> NT Hạnh	<i>Thị</i> Thị Hạnh Thị Hạnh	<i>Hạnh</i> NT Hạnh	<i>Thị</i> Thị Hạnh Thị Hạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050082	VÕ VĂN HUY	15/09/2001	CCQ1905C			<i>Huy</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050075	LÊ VĂN HUỖNH	25/01/2002	CCQ2005C			<i>Thị</i>	7.5	8.0	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050115	TRƯƠNG DUY KHÁNH	13/06/2002	CCQ2005D			<i>Thị</i>	7.5	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH	19/09/2001	CCQ2005D			<i>Khoa</i>	7.4	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120170330	NGUYỄN VĂN KHOA	05/11/2002	CCQ2005D			<i>Khoa</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120170404	TRẦN DUY KHOAN	18/11/2002	CCQ2005D			<i>Thị</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050076	LÊ TIỀN KHÔI	13/08/2002	CCQ2005C			<i>Thị</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120170538	NÃO VĂN KY	20/02/2002	CCQ2005D			<i>Ky</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2119050048	NGUYỄN HÙNG LÂM	21/04/2001	CCQ1905B			<i>Lâm</i>	7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120050101	NGUYỄN HỮU LUÂN	09/12/2002	CCQ2005C			<i>Luân</i>	7.5	8.0	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120050102	NGUYỄN LUẬT	12/06/2002	CCQ2005C			<i>Luật</i>	7.4	8.0	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2119050015	LƯƠNG TẤN LỰC	11/07/2001	CCQ1905A			<i>Lực</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120050079	THIÊN SANH LỰC	16/02/2000	CCQ2005C			<i>Thiên</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120050078	PHÚ VĂN LƯƠNG	11/03/2001	CCQ2005C			<i>Lương</i>	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120050080	PHẠM CÔNG LÝ	06/06/2002	CCQ2005C			<i>Lý</i>	7.7	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120050081	LƯƠNG TRÍ MINH	06/10/2000	CCQ2005C			<i>Trí</i>	7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120240108	HỒ LÊ HOÀNG NAM	13/09/2002	CCQ2005D			<i>Hồ</i>	7.3	7.5	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2119050016	NGÔ ĐÌNH NAM	20/10/2001	CCQ1905A			<i>Nam</i>	7.4	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2119050121	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	31/05/2001	CCQ1905D			<i>Nghĩa</i>	7.6	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120050119	NGUYỄN PHÚC NHÂN	09/06/2001	CCQ2005D			<i>Nhân</i>	7.5	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 67

Số bài thi: 67

Số tờ giấy thi: 67

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hạnh</i> NT Hạnh	<i>Thư</i> Trần Trung Thuận	<i>Hạnh</i> NT Hạnh	<i>Thư</i> Trần Trung Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120050083	TÔ THANH NHÂN	12/11/2002	CCQ2005C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2120050084	LÊ VĂN NHẬT	01/01/2002	CCQ2005C			<i>Nhật</i>	7.4	7.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2119050020	NGUYỄN ĐĂNG PHONG	15/05/2000	CCQ1905A			<i>Phong</i>	7.4	7.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2120050104	TRƯƠNG THANH PHƯƠNG	04/05/2002	CCQ2005C			<i>Phu</i>	7.3	7.0	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2120050121	VÕ ĐÌNH QUÍ	24/11/2001	CCQ2005D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	2120110125	HUỲNH VĂN SÁNG	18/09/2000	CCQ2005D			<i>Sang</i>	7.2	7.0	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2120050087	TRẦN NHẬT TÂM	21/05/2001	CCQ2005C			<i>Tam</i>	7.0	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	2120110097	HUỲNH VĂN THÀ	26/05/2002	CCQ2005D			<i>Tha</i>	7.2	7.0	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2120050122	DANH THIÊN THANH	06/03/2002	CCQ2005D			<i>Thanh</i>	7.4	7.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2120050088	NGUYỄN CÔNG THẠNH	06/11/2002	CCQ2005C			<i>Thanh</i>	7.1	7.5	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	2119050027	LÊ VĂN THẮNG	14/12/2000	CCQ1905A			<i>Thang</i>	7.0	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
52	2119050132	TRỊNH QUỐC THẮNG	28/02/2001	CCQ1905D			<i>Thang</i>	7.1	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	2120050123	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/07/2002	CCQ2005D			<i>Thien</i>	7.3	7.0	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	2120050138	VI PHÚ THỊNH	30/11/2002	CCQ2005D			<i>Thinh</i>	7.7	7.0	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	2120060052	NGUYỄN VĂN THÔNG	16/07/2001	CCQ2005C			<i>Thong</i>	7.1	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	2120050091	NGUYỄN NHẬT TIẾN	24/02/2002	CCQ2005C			<i>Tien</i>	7.2	8.0	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	2120050092	TRẦN QUỐC TOÀN	23/06/2001	CCQ2005C			<i>Toan</i>	7.3	8.0	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	2119050030	KIỀU VĂN TRỌNG	26/10/2001	CCQ1905A			<i>Trong</i>	7.0	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	2120120515	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/08/2002	CCQ2005C			<i>Trung</i>	7.0	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	2120050124	LÊ VŨ TRƯỜNG	17/11/2002	CCQ2005D			<i>Truong</i>	7.3	7.0	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Điện) (228173) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 67

Số bài thi: 67

Số tờ giấy thi: 67

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Hau NT Hanh	Thuan Tran Tung Thuan	Hau NT Hanh	Thuan Tran Tung Thuan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2120050139	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	30/07/2002	CCQ2005D			Trường	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	2120050105	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	14/12/2002	CCQ2005C			Tú	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C			Tú	7.4	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	2120050125	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/09/2002	CCQ2005D			Tuấn	7.6	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	2119050065	TRẦN VĂN TUẤN	15/11/2001	CCQ1905B			Tuấn	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	2119050033	PHAN THANH TÙNG	29/05/2001	CCQ1905A			Tùng	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	2120050140	PHẠM VĂN VÀNG	27/04/2002	CCQ2005D			Vàng	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	2120170527	ĐINH QUANG VINH	10/01/2002	CCQ2005D			Vinh	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	2120050126	PHAN THANH VINH	03/04/2002	CCQ2005D			Vinh	7.0	7.5	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	2120050096	ĐẠT ĐẠI HOÀNG VŨ	17/07/2002	CCQ2005C			Vũ	7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9